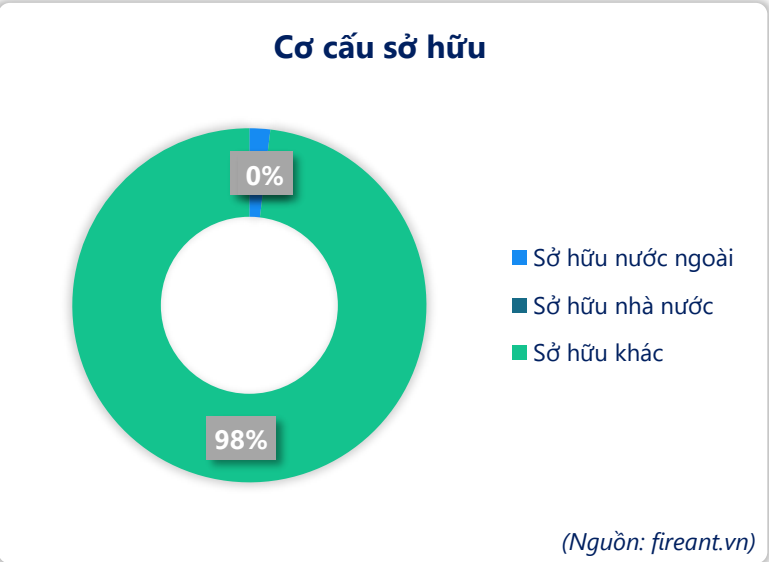
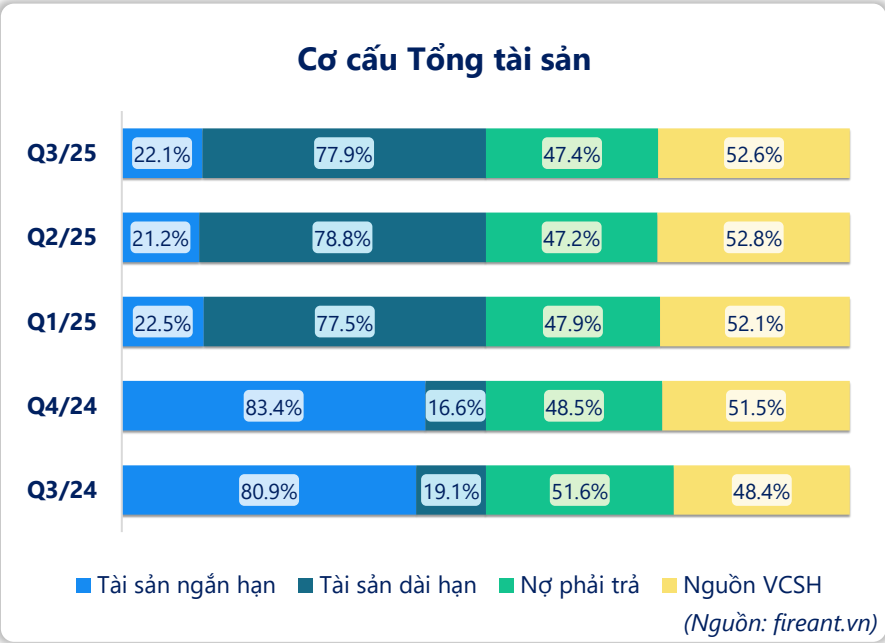
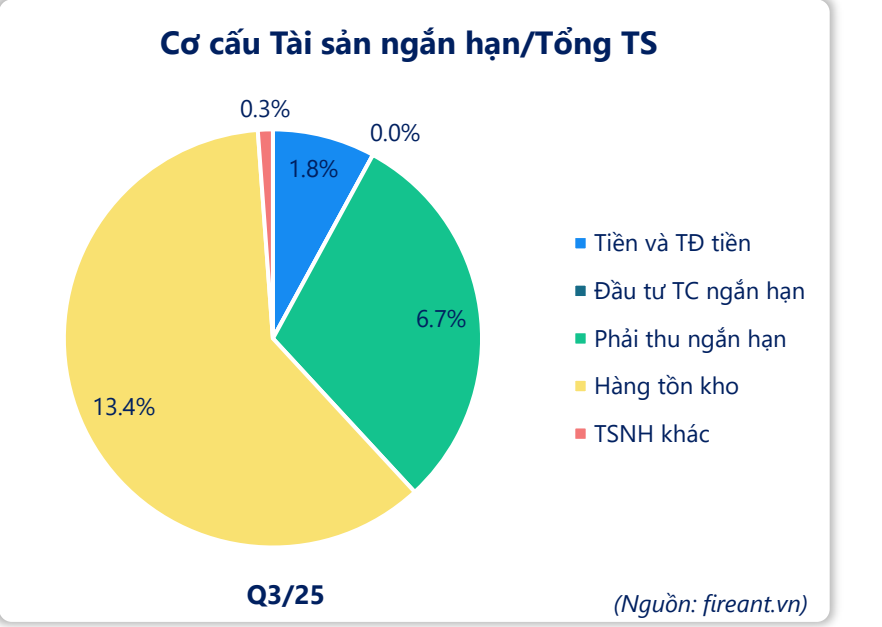
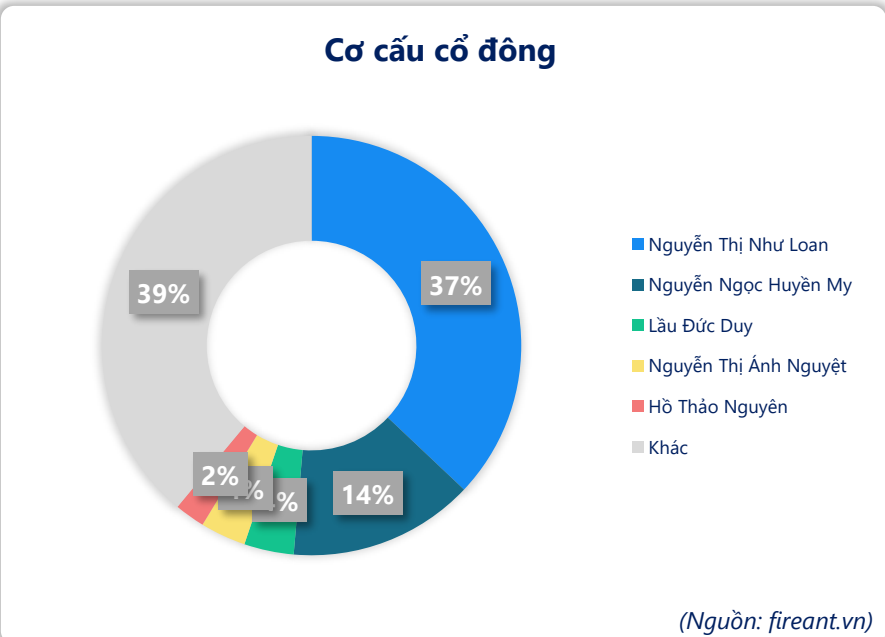
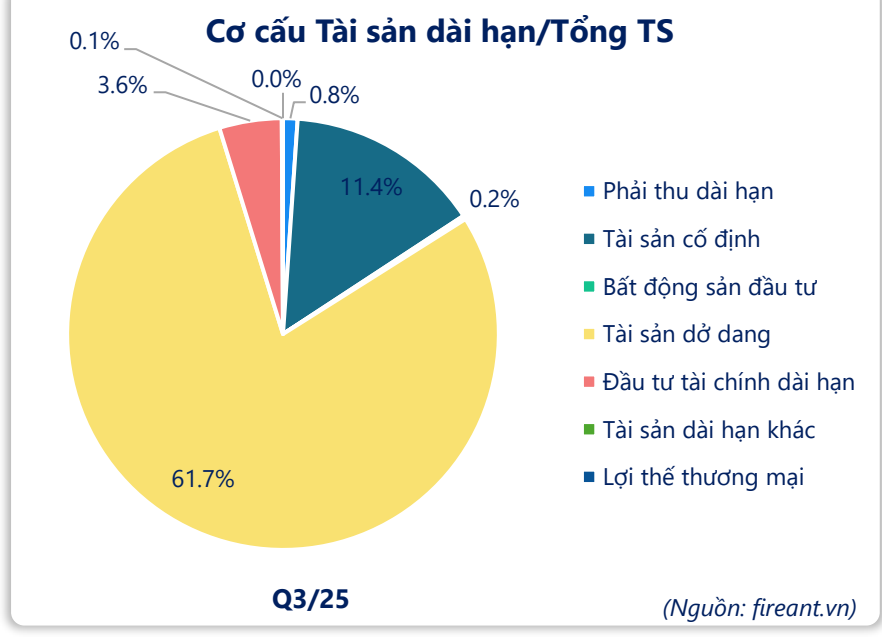
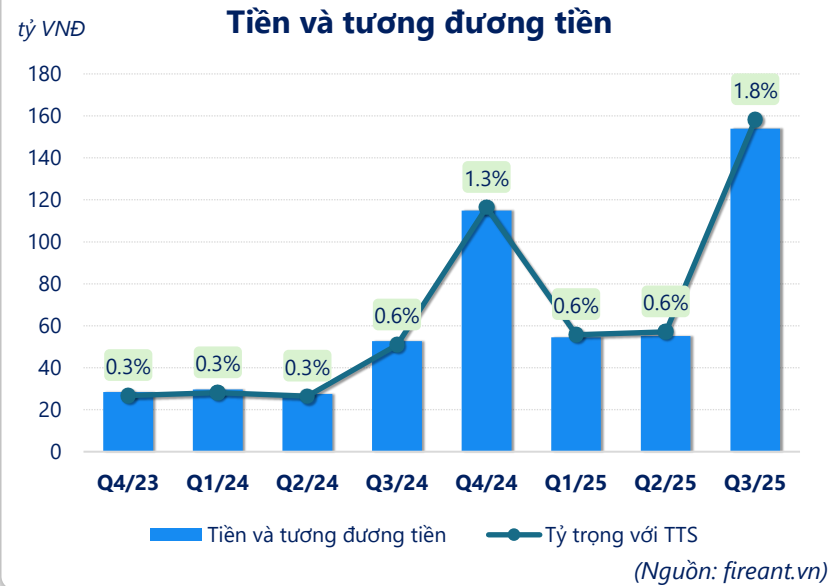
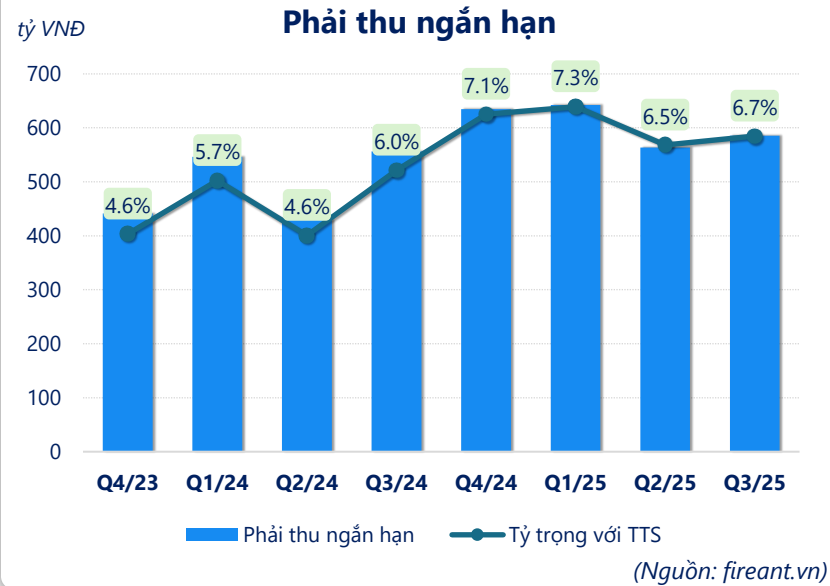
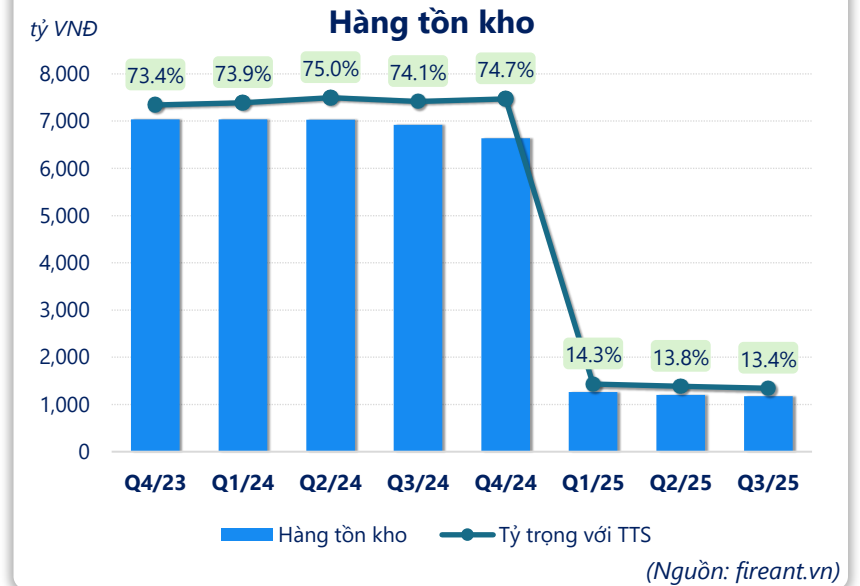
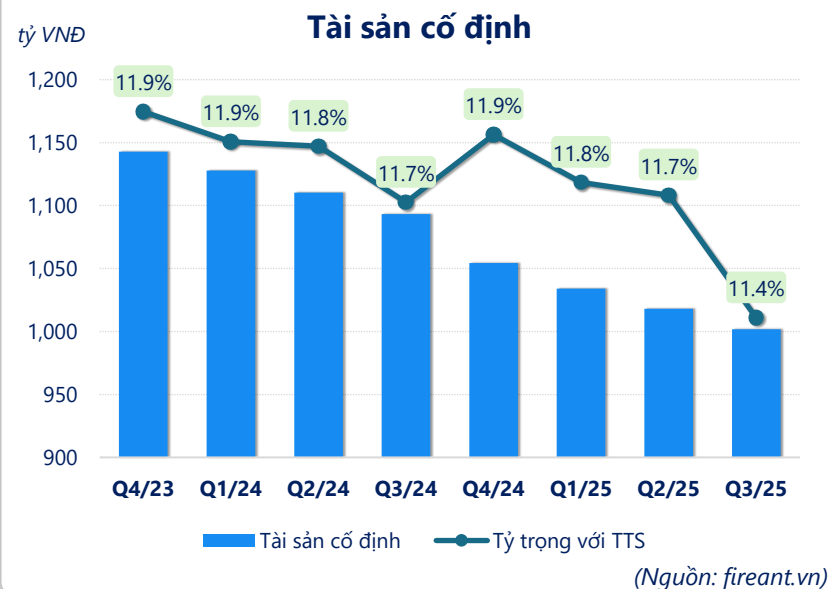
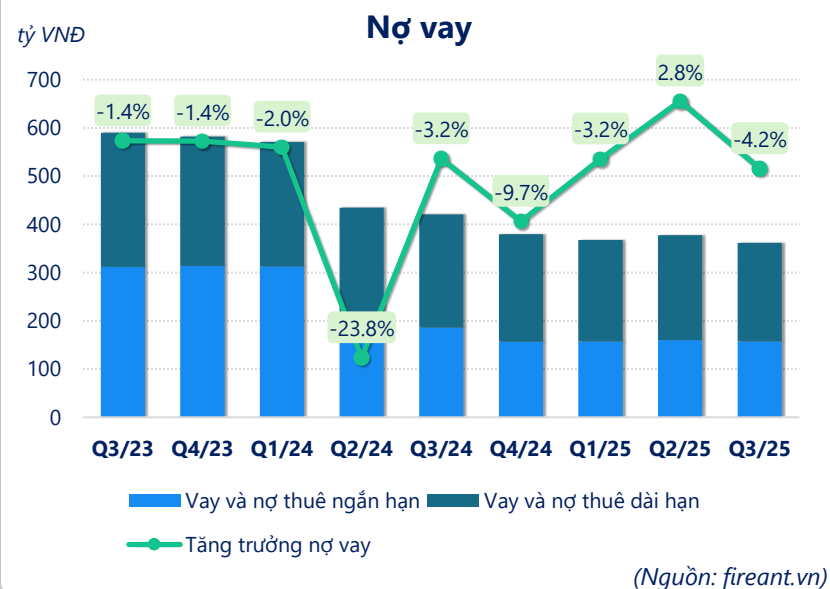
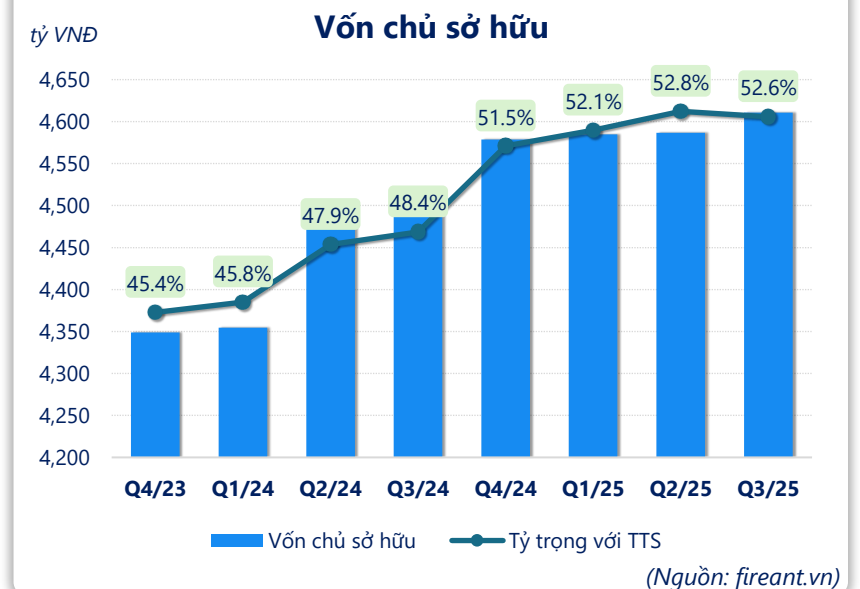
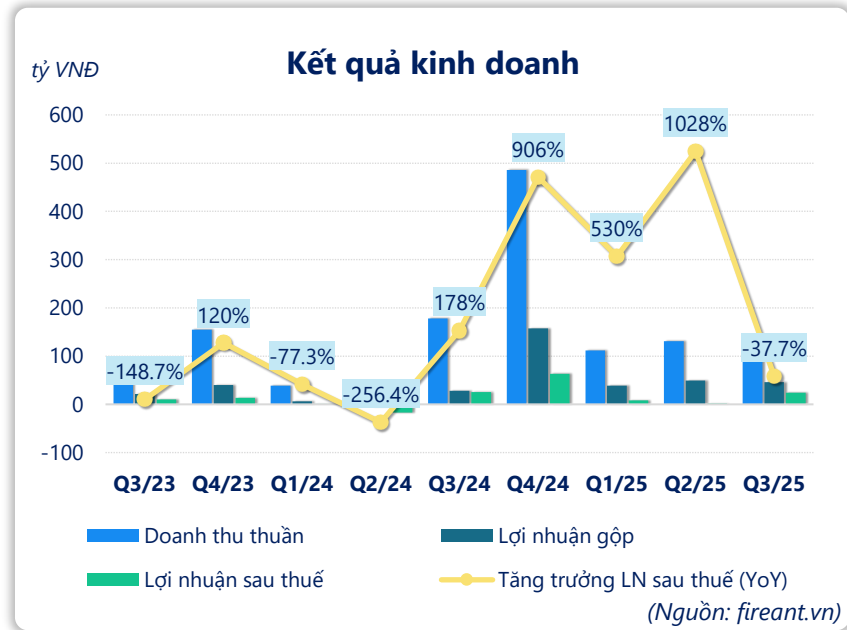
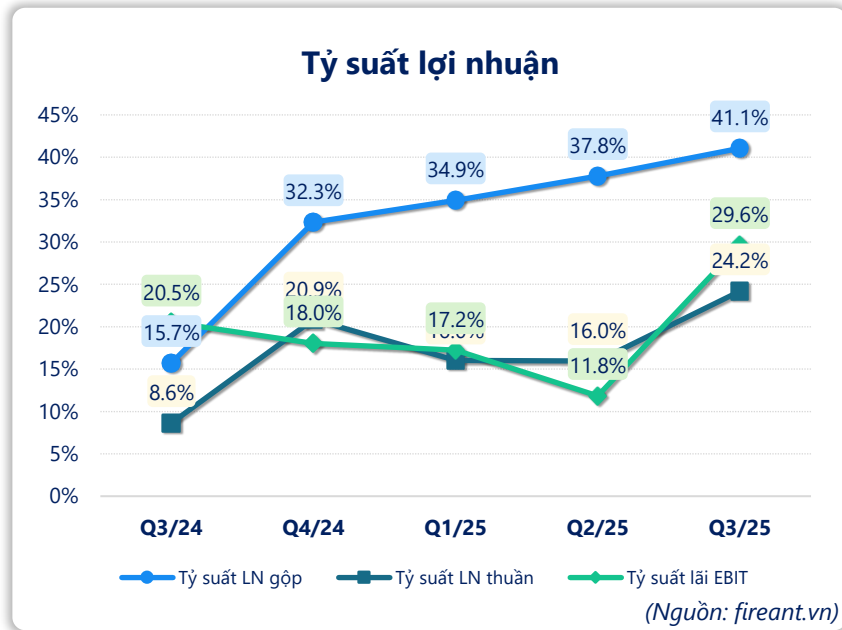
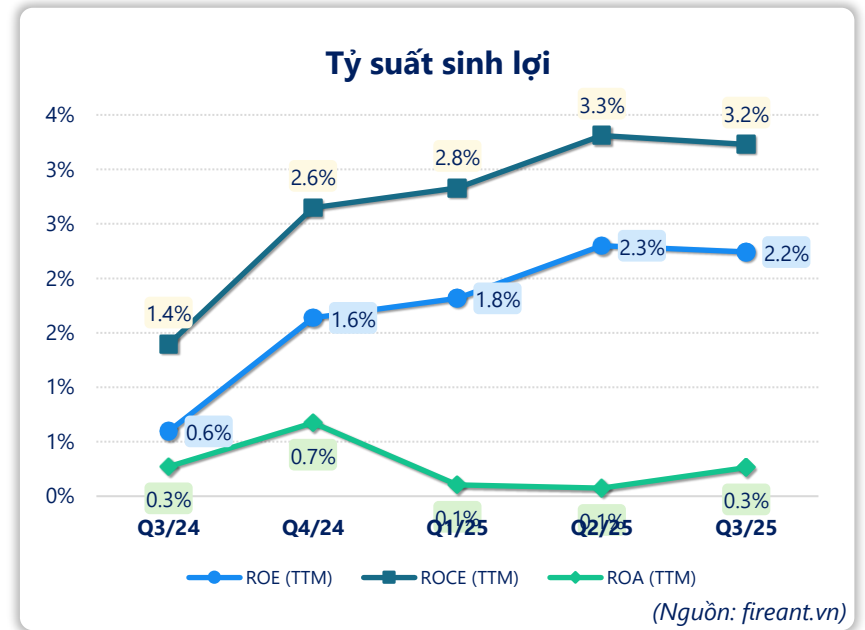
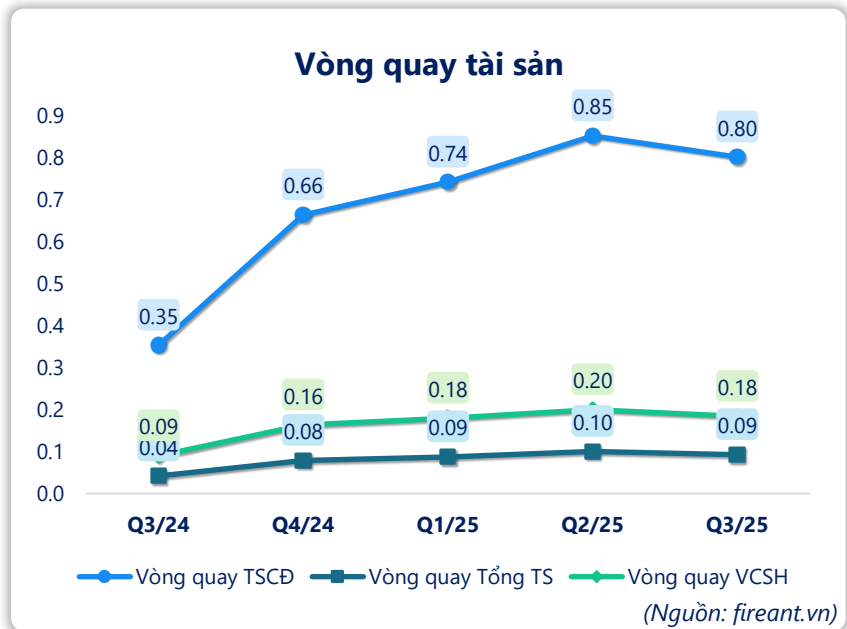
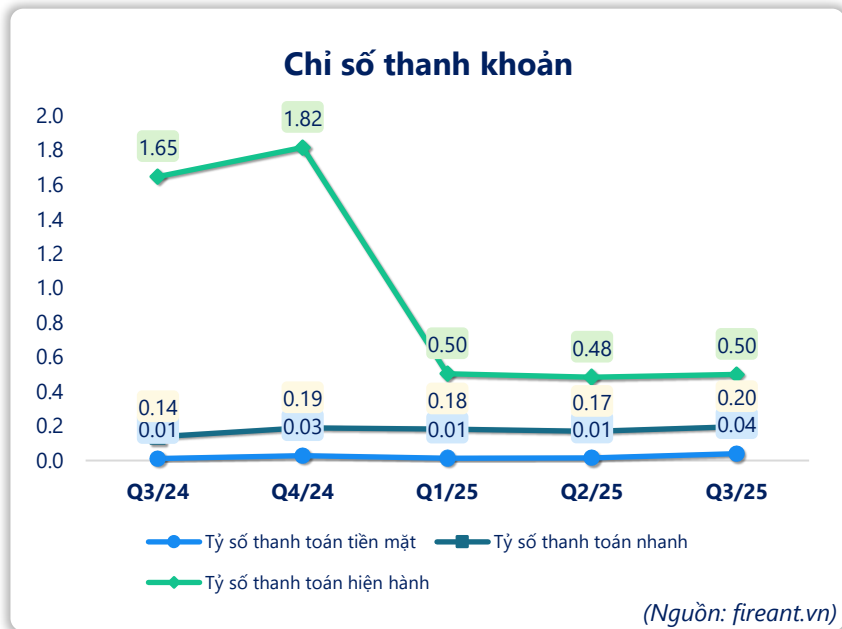
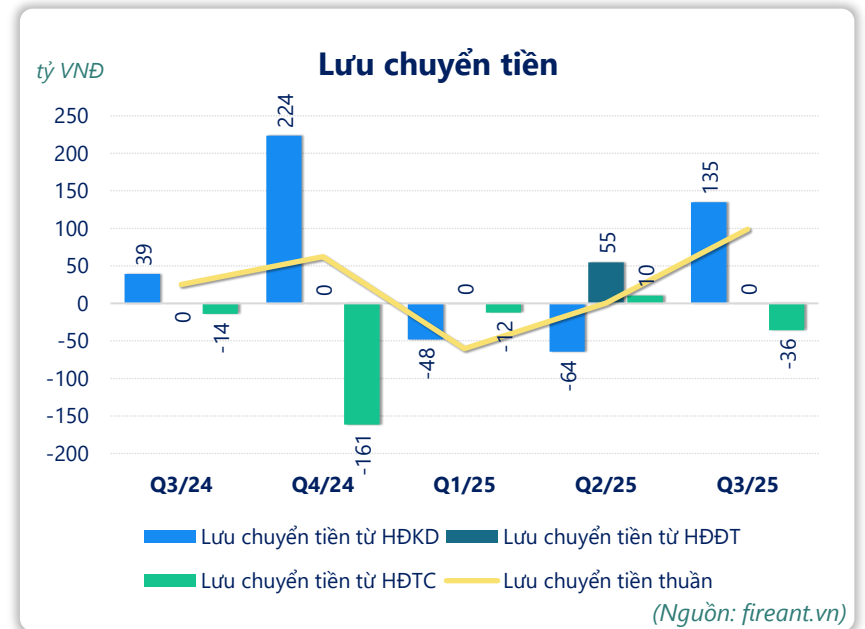


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,730
SL cổ phiếu LH		275,129,141
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,682,490
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,962
P/E		38.7
EPS		372

	YTD	1T	3T	6T
QCG	25.2%	-0.3%	23.1%	23.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	8,761	8,885	-1.4%
Tài sản ngắn hạn	1,939	2,054	-5.6%
Tiền và tương đương tiền	154	115	34.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	585	635	-7.8%
Hàng tồn kho	1,177	1,279	-8.0%
Tài sản ngắn hạn khác	22.4	25.2	-11.0%
Tài sản dài hạn	6,822	6,831	-0.1%
Phải thu dài hạn	74.3	74.3	0.0%
Tài sản cố định	1,002	1,051	-4.7%
Bất động sản đầu tư	19.1	20.1	-5.0%
Tài sản dở dang	5,402	5,361	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	319	319	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.17	5.68	8.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,151	4,308	-3.7%
Nợ ngắn hạn	3,882	4,004	-3.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	157	137	15.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.2	34.2	14.8%
Nợ dài hạn	268	304	-11.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	205	243	-15.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,611	4,577	0.7%
Vốn chủ sở hữu	4,611	4,577	0.7%
Vốn điều lệ	2,751	2,751	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	178	486	111	131	111
Giá vốn hàng bán	150	329	72.6	81.5	65.7
Lợi nhuận gộp	28.0	157	38.9	49.5	45.7
Doanh thu HĐTC	0.16	0.02	0.15	0.02	0.23
Chi phí TC	8.11	11.1	7.09	7.25	7.01
Chi phí lãi vay	8.10	11.1	7.09	7.20	6.99
LN trong công ty LKLD	0.00	-2.64	-0.01	-0.02	-0.06
Chi phí bán hàng	0.09	32.8	10.8	15.9	6.00
Chi phí QLDN	4.61	9.25	3.33	5.47	5.94
LN thuần từ HĐKD	15.4	101	17.9	20.9	27.0
Lợi nhuận khác	13.1	-24.8	-5.73	-12.6	-0.92
LN trước thuế	28.5	76.6	12.1	8.32	26.0
Lợi nhuận sau thuế	25.4	63.2	8.23	1.77	24.1
LNST của CĐ cty mẹ	25.9	62.2	9.49	6.73	23.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	39.2	224	-48.2	-64.5	135
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.13	0.02	0.15	54.8	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.9	-161	-12.2	10.2	-35.9
Tiền đầu kỳ	27.6	52.7	115	54.5	55.1
Lưu chuyển tiền thuần	25.2	62.1	-60.3	0.55	98.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	52.7	115	54.5	55.1	154

(Nguồn: fireant.vn)